

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân: ông Châu Kim Ba và bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 05 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 06 năm 2024, đối với :

1. Các bị cáo:

1.1. Trần Đ, sinh năm 1995; quê quán: huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Trần Đ1 và bà Lý Thị M; vợ tên Huỳnh Thị Bích T; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2019, 02 con nhỏ song sinh, sinh năm 2021; anh, chị, em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo Trần Đ bị tạm giam từ ngày 06/03/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

1.2. Hồ Đông T1, sinh năm 2004; quê quán: tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Hồ Đông H và bà Trần Thị Thùy D; vợ tên Đào Thị Kim N; có 01 người con, sinh năm 2023; anh, chị em có 02 người; bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án: không.

Tiền sự: ngày 15/8/2022, bị Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 22/9/2022, tính đến ngày xét xử được xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/4/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

1.3. Lê Minh H1, sinh năm 2000; quê quán: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Lê Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Kim Q; vợ tên Phạm Thị Kim T2; con có 01 người, sinh năm 2019; anh em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/4/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Người bị hại*: ông Lê Văn T3, sinh năm 1978; nơi cư trú: khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1942; nơi cư trú: khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.2. Em Nguyễn Văn T4, sinh năm 2007; nơi cư trú: tổ A, khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ A, khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 14/6/2023, Hồ Đông T1 cùng với Trần Đ, Lê Minh H1 và Nguyễn Văn T4 uống rượu tại nhà của Đ thuộc ấp V, xã V, thị xã T. Trong lúc uống rượu, T1 rủ Đ và H1 đi đòi nợ anh Lê Văn T3 4.000.000 đồng, được Đ và H1 đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô biển số 94K1-859.39 chở H1 và Đ đến nhà anh T3 đòi nợ, trên đường đi đến khu vực cổng tham quan Khu D, Đ kêu dừng xe lại lấy cây theo phòng thân, khi đến đầu hẻm nhà của T3 thuộc khu vực tổ A, khóm C, phường C, thị xã T, T1 dựng xe ở đầu hẻm cách nhà anh T3 khoảng 30 mét, H1 và T1 mỗi người cầm một khúc cây, rồi cả ba đi vào nhà của anh T3 để đòi nợ.

Khi đến nhà anh T3, Đ, T1 và H1 đứng trước hàng rào cùng la lớn tiếng kêu anh T3 mở cửa ra trả tiền, anh T3 trong nhà nghe tiếng la liền mở cửa nhà đi ra nói chuyện (cách nhau khoảng 02m), T1 hỏi anh T3 “Ông mượn tiền lâu không trả”, anh T3 nói “Chân anh đau không có đi làm nên không có tiền”, thì Đ la lớn

tiếng nói “Bây giờ ông mở cửa không, ông không mở tôi đập cửa vô luôn”, nên anh T3 định điện thoại trình báo Công an, thì bị Đ dọa nếu “Ông điện thoại báo Công an thì đốt nhà ông”, Đ tiếp tục kêu anh T3 mở cửa nếu không mở Đ phá cửa hàng rào. Lúc này, anh T3 sợ liền đi ra mở cửa rào, H1 và T1 liền cầm khúc cây nhá đánh anh T3, nhưng được Đ can ngăn, rồi Đ đi vào nhà của anh T3 nói chuyện, còn T1 và H1 đứng ngoài hàng rào cách chỗ Đ khoảng 02 mét để quan sát và nghe nói chuyện. Đ yêu cầu anh T3 trả tiền, nhưng anh T3 nói không có tiền hẹn 02 đến 03 ngày sẽ trả, Đ nói “Không có tiền thì lấy xe”, anh T3 nói “xe mượn của người khác”, nhưng Đ vẫn kiên quyết lấy xe mặc dù anh T3 năn nỉ, rồi Đ nói với anh T3 “Không đưa xe thì lột vàng của bà Phạm Thị K” (mẹ của anh T3). Do sợ ảnh hưởng đến bà K, nên anh T3 vào phòng khách dẫn xe mô tô biển số 67N1 – 081.07 giao cho Đ, anh T3 nói ngày mai trả 2.000.000 đồng và lấy xe lại, rồi Đ kiểm tra phát hiện xe hết xăng nên yêu cầu anh T3 đưa tiền đổ xăng, nếu không sẽ đập nát chiếc xe, thì anh T3 xin bà K 200.000 đồng đưa cho Đ. Lấy xe và tiền xong, Đ dẫn xe 67N1-081.07 ra khỏi nhà đưa cho T1 điều khiển chở H1 về nhà của Đ, rồi Đ, H1 và T1 dùng số tiền 200.000 đồng lấy được của anh T3 mua thức ăn và rượu cùng uống với T4.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 15/6/2023, T1 cùng với Đ, H1 và T4 đi đến nhà anh T3 lấy tiền, khi đến thấy nhà anh T3 đóng cửa không người trông giữ, nên T1 cùng với Đ, H1 và T4 vào nhà anh T3 lấy tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 cây quạt hiệu ASIA, 01 bếp ga hiệu Sunhouse, 01 ống dẫn ga bằng nhựa dài 1,6m, 01 bình ga hiệu Gas South mang về nhà Đ cất giữ. Ngoài ra, T1 còn đập vỡ 03 tấm kính tủ của anh T3.

Sau khi sự việc xảy ra, anh T3 đến Cơ quan Công an trình báo sự việc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T mời Điền, T1 và H1 làm việc, thì Đ, T1 và H1 thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn T3 như nội dung vụ án.

Căn cứ Kết luận định giá số 1064 ngày 21/6/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 xe mô tô biển số 67N1-081.07, được định giá 3.500.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá số 1068 ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu itel, màu sơn xanh-đen, được định giá 70.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá số 1069 ngày 22/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 cây quạt gió, nhãn hiệu ASIA, được định giá 400.000 đồng; 01 bếp gas mặt kính, loại hai mặt, màu sơn đỏ-đen, nhãn hiệu Sunhouse, được định giá 500.000 đồng; 01 ống dẫn gas bằng nhựa, dài 1,6 mét, được định giá 70.000 đồng; 01 bình gas, màu sơn xám, thương hiệu gas South, trọng lượng 13,5kg, được định giá 400.000 đồng.

Căn cứ Kết luận định giá số 655 ngày 26/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T kết luận: 03 tấm kính trị giá 300.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T, thu giữ: 01 xe mô tô biển số 94K1-859.39 của Trần Điền .

Ngày 26/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã khởi tố vụ án, ngày 26/01/2024 khởi tố bị can Trần Đ; ngày 22/4/2024 khởi tố bị can Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 45/CT-VKSTB.HS ngày 22/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố các bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, bị hại Lê Văn T3 khai nhận như nội dung cáo trạng đã truy tố, hiện đã nhận lại toàn bộ tài sản, nên không có yêu cầu gì thêm đối với vụ án; người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo T1, H1 và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, T1 và H1.

Các bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 khai nhận như nội dung cáo trạng đã truy tố; sau khi nghe nội dung luận tội và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo đều xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên thực hành công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của đồng phạm nêu luận tội giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành từ ngày 06/03/2024;

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình. Đề nghị mức hình phạt đối với Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành từ ngày 24/04/2024.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển số 94K1-859.39 của bị cáo Trần Điền .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thị xã T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

- *Về nội dung:*

[3] Hành vi phạm tội:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn trình điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về toàn bộ diễn biến về thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường được lập trong giai đoạn điều tra; phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ; từ đó có đủ căn cứ xác định, do bị hại nợ tiền của bị cáo T1, nên bị cáo Đ rủ T1 và H1 đến nhà của bị hại T3 để đòi nợ, khi bị hại không có tiền trả nợ, các bị cáo đã có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của bị hại T3, tuy không đến mức làm tê liệt ý chí của bị hại, nhưng đã làm cho bị hại sợ chấp nhận giao xe xe mô tô biển số 67N1-081.07 (được định giá 3.500.000 đồng) và số tiền 200.000đ cho các bị cáo, có tổng giá trị 3.700.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố đối với các bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 về tội danh, điểm, khoản, điều luật viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật,

nhưng bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội bình thường của người dân. Do đó cần xem xét xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện.

Trong vụ án này, có vai trò đồng phạm nhưng chỉ mang tính chất giản đơn, vì không có sự câu kết chặt chẽ, không tổ chức phân công vai trò cụ thể, không có bàn bạc từ trước, chỉ mang tính tự phát. Đối với bị cáo Đ giữ vai trò chính, vai trò tích cực, là người chủ động trực tiếp đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của bị hại để bị hại buộc phải giao xe và tiền cho các bị cáo; bị cáo T1 và H1 giữ vai trò vai trò thứ yếu, giữ vai trò giúp sức vì không can ngăn, không ý kiến phản đối, sau khi bị hại giao xe và tiền cho bị cáo Đ thì T1 và H1 đồng ý và cùng mang xe về nhà của Đ. Do đó cần phân hóa vai trò đồng phạm để xem xét mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò thực hiện của từng bị cáo.

[5] Xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo khi áp dụng hình phạt.

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Đ là dân tộc thiểu số (Khome), không biết chữ nên phần nào nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo T1, H1 được người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa các bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xem xét mục đích của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, nhằm để giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội: đối với bị cáo Trần Đ mặc dù chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội nhưng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò chính, tích cực; bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Đối với các bị cáo T1, H1 giữ vai trò thứ yếu, giúp sức trong vai trò đồng phạm không đáng kể; các bị cáo lần đầu phạm tội; tài sản các bị cáo chiếm đoạt không lớn và đã được trả lại đầy đủ cho người bị hại; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi ở ổn định; bị cáo T1 có hoàn cảnh khó khăn như: là người lao động chính; vợ bỏ nhà đi nên là người phải trực tiếp nuôi con nhỏ (có xác nhận của địa phương), vì vậy không cần phải cách ly các bị cáo T1, H1 mà giao cho chính quyền địa phương, gia đình giám sát, quản lý, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo. Vì vậy áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, để trả tự do cho các

bị cáo T1, H1 tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm khác.

[6] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận toàn bộ tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng: Việc bị cáo Đ, T1 và H1 dùng xe mô tô biển số 94K1-859.39 của Đ làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về đánh giá hành vi khác có liên quan: việc Đ, T1, H1 và T4 có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu IteL, 01 cây quạt máy hiệu Asia, 01 bếp gas, 01 ống dẫn gas, 01 bình gas của anh Lê Văn T3, trị giá 1.440.000 đồng là vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm hình sự đối với Đ, T1, H1 và T4 là có căn cứ.

[11] Về án phí: các bị cáo Đ, T1, H1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1 và Lê Minh H1 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”,

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/03/2024 và tiếp tục tạm giam bị cáo Đ trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Đông T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/06/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Minh H1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/06/2024.

Tuyên trả tự do tại phiên tòa cho các bị cáo Hồ Đông T1, Lê Minh H1 nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về tội phạm nào khác.

Giao bị cáo Hồ Đông T1 và bị cáo Lê Minh H1 cho Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế độ cho hưởng án treo).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01(một) xe mô tô biển số 94K1-859.39, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu đỏ - đen, số máy E3T6E390825, số khung 170JY265134.

(Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng số 23/KVC ngày 28/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T và Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang)

Căn cứ Điều 21, điểm a, khoản 1 Điều 23, Danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo Trần Đ, Hồ Đông T1, Lê Minh H1 phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tịnh Biên;
- Nhà Tạm giữ - Công an thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục THADS TX.Tịnh Biên;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châu Nam Phú